VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng

Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng[1].

---

[1] Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay là tổ chức được cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Người khai thác tàu bay là tổ chức, cá nhân tham gia khai thác tàu bay theo quy định tại Điều 22 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Mục 2
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀU BAY

Điều 3. Tiếng ồn tàu bay

1. Tàu bay khai thác tại Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu về tiếng ồn tàu bay do Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) quy định tại Phần 2 (Part 2), Quyển 1 (Volume 1), Phụ ước 16 (Annex 16) của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế.

2. Tàu bay khai thác tại Việt Nam phải có Giấy chứng nhận tiếng ồn do Cục Hàng không Việt Nam cấp, thừa nhận theo quy định của Thông tư số 01/2011/TT-

---

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không.”.

BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

Điều 4. Khí thải động cơ tàu bay

1. Động cơ tàu bay khai thác tại Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu về khí thải động cơ tàu bay do ICAO quy định tại Chương 2 (Chapter 2), Phần 2 (Part 2) và Chương 2 (Chapter 2), Phần 3 (Part 3), Quyển 2 (Volume 2), Phụ ước 16 (Annex 16) của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất để Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ phê duyệt các đường bay có khả năng giảm lượng nhiên liệu tiêu hao, giảm lượng khí thải động cơ tàu bay vào khí quyển.

Điều 5. Bảo vệ môi trường trong khai thác tàu bay

Người khai thác tàu bay có trách nhiệm:

1. Áp dụng các giải pháp công nghệ, quy trình khai thác tàu bay nhằm giảm thiểu lượng khí thải động cơ tàu bay vào khí quyển.

2. Áp dụng quy trình hoạt động của tàu bay tại cảng hàng không, sân bay nhằm giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay vào không khí, bao gồm: Hạn chế thời gian hoạt động của động cơ tàu bay trong quá trình lăn, chuẩn bị cất cánh; tăng cường sử dụng xe kéo tàu bay nhằm hạn chế thời gian hoạt động của động cơ tàu bay nhưng không gây ùn tắc hoạt động tại khu bay.

3. Xây dựng quy trình nội bộ kiểm soát việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay và tổ chức thực hiện.

4. Sử dụng hóa chất diệt côn trùng và vệ sinh trong tàu bay tuân thủ quy định tại Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam do Bộ Y tế ban hành.

5. Quy định quy trình sử dụng từng loại hóa chất để diệt côn trùng, vệ sinh tàu bay nhằm bảo đảm chất lượng khí trong tàu bay đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Mục 3
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 6. Kế hoạch bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung:

a) Kế hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường;

b) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và quy trình ứng phó sự cố môi trường;

c) Kế hoạch đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ môi trường; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên;

d) Kế hoạch giám sát môi trường khu vực cảng hàng không, sân bay;

đ) Kế hoạch tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường; định kỳ đánh giá, điều chỉnh kế hoạch bảo vệ môi trường cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình trong từng thời kỳ.

3. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay và của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 7. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay

1. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Điểm trung chuyển chất thải rắn;

b) Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải.

2. Điểm trung chuyển chất thải rắn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch chi tiết của cảng hàng không, sân bay;

b) Không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường;

c) Không làm mất mỹ quan cảng hàng không, sân bay;

d) Thuận tiện cho việc vận chuyển chất thải đến/đi.

3. Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải phải đảm bảo chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay.

5. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường trong phạm vi hoạt động của mình đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay.

Điều 8. Bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không, sân bay có vị trí nằm liền kề khu vực dân cư sinh sống có trách nhiệm:

a) Xây dựng bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, sân bay theo hướng dẫn của ICAO về phương pháp, trình tự thực hiện; trong đó đường đẳng âm trong bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, sân bay được lấy tương ứng với các mức giới hạn đối với các công trình công cộng, dân sinh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, tiêu chuẩn vệ sinh lao động do Bộ Y tế ban hành;

b) Gửi bản đồ tiếng ồn đã xây dựng đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không và Ủy ban nhân dân cấp quận (huyện) liền kề cảng hàng không, sân bay để làm tài liệu tham khảo khi xây dựng quy hoạch sử dụng đất trong và xung quanh khu vực cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Căn cứ điều kiện kinh tế xã hội và khả năng thực hiện của cảng hàng không, sân bay xác định danh mục cảng hàng không, sân bay cần xây dựng bản đồ tiếng ồn ứng với từng giai đoạn và thông báo cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay biết, thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát việc xây dựng bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, sân bay theo quy định của Thông tư này.

Điều 9. Kiểm soát tiếng ồn tại cảng hàng không, sân bay

Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, ban hành, áp dụng các giải pháp hạn chế tiếng ồn tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận bao gồm:

1. Khuyến khích áp dụng quỹ đạo tiếp cận hạ cánh và khởi hành cất cánh của tàu bay nhằm gây ồn ít nhất cho khu dân cư.

2. Giảm thiểu thời gian hoạt động của động cơ tàu bay trong khu bay.

3. Quy định khu vực thử động cơ tàu bay gây ồn ít nhất đến người lao động, khu vực lân cận và áp dụng biện pháp giảm âm tại khu thử.

Điều 10. Kiểm soát khí thải tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thiết lập các tuyến giao thông nội cảng hợp lý nhằm giảm thiểu quãng đường hoạt động của phương tiện.

2. Người khai thác hệ thống phương tiện, trang thiết bị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các giải pháp giảm thiểu khí thải bao gồm:

a) Thực hiện bảo dưỡng hệ thống phương tiện, trang thiết bị đúng chế độ quy định;

b) Hạn chế hoạt động của động cơ khi phương tiện, thiết bị tạm dừng hoạt động;

c) Áp dụng tốc độ, chế độ tăng tốc hợp lý khi phương tiện, thiết bị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay;

d) Khuyến khích sử dụng nguồn cấp điện, thiết bị điều hòa không khí trên mặt đất bằng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hoặc sử dụng nhiên liệu sạch;

đ) Có kế hoạch thay thế tiến đến loại trừ việc sử dụng các thiết bị làm lạnh có sử dụng chất làm lạnh nhóm CFC (Clorofluorocacbon).

3. Cơ sở bảo dưỡng tàu bay có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay trong quá trình thử nghiệm động cơ tàu bay. Khuyến khích sử dụng hệ thống thu, khử khí thải động cơ tàu bay trong thử nghiệm động cơ tàu bay.

Điều 11. Kiểm soát nước thải tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu xả thải vào hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát nước thải của cảng hàng không, sân bay;

b) Tổ chức thu gom, xử lý nước thải từ tàu bay đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách và quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

c) Khi có cảnh báo của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế tại cảng hàng không, sân bay về dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thì phải tổ chức khử trùng nước thải từ tàu bay theo quy định trước khi xử lý.

2. Cơ sở bảo dưỡng tàu bay, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, bao gồm:

a) Ngăn chặn rò rỉ trực tiếp hoặc gián tiếp nhiên liệu, dầu mỡ, hóa chất ra khu vực cảng hàng không, sân bay trong quá trình bảo dưỡng tàu bay, trong quá trình khai thác, bảo dưỡng hệ thống phương tiện và trang thiết bị;

b) Phân tách dầu mỡ lẫn trong nước thải từ hoạt động bảo dưỡng tàu bay, phương tiện, trang thiết bị trước khi xả thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cảng hàng không, sân bay;

c) Thực hiện bảo dưỡng, rửa tàu bay, phương tiện, trang thiết bị tại khu vực có hệ thống thu gom và phân tách dầu mỡ khỏi nước thải.

Điều 12. Quản lý chất thải rắn tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay có phát sinh chất thải rắn tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, thực hiện quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

2. Khi có cảnh báo của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế tại cảng hàng không, sân bay về dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thì phải tổ chức khử trùng chất thải rắn từ tàu bay theo quy định trước khi xử lý.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay thực hiện quy trình thu gom, xử lý, tập kết chất thải rắn về điểm trung chuyển chất thải rắn tại cảng hàng không, sân bay đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường tại cảng.

4. Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn tại cảng hàng không, sân bay phải áp dụng biện pháp ngăn ngừa việc phát thải bụi, rơi vãi chất thải rắn trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

Điều 13. Quản lý chất thải nguy hại tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay có phát sinh chất thải nguy hại phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, tổ chức phân loại, quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2. Tổ chức, cá nhân có Giấy phép hành nghề vận chuyển, quản lý chất thải nguy hại mới được phép vận chuyển chất thải nguy hại trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

Điều 14. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Lập kế hoạch phòng ngừa, quy trình ứng phó sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay và chịu trách nhiệm chính trong việc điều hành xử lý sự cố môi trường;

b) Lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường chung và hướng dẫn chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường;

c) Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường;

d) Tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên;

đ) Có trách nhiệm thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

2. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung:

a) Khái quát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay; dự báo khả năng gây ra sự cố môi trường; sơ đồ các khu vực chịu ảnh hưởng của sự cố môi trường; tên và số điện thoại liên lạc của tổ chức, cá nhân là đầu mối trong trường hợp có sự cố môi trường;

b) Kịch bản xử lý sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay: quản lý hiện trường; làm sạch dầu tràn, hóa chất rò rỉ; danh mục vật liệu nguy hại có thể rò rỉ tại hiện trường; thiết bị khẩn nguy tại hiện trường; các thông số môi trường cần quan trắc; quy trình giám sát, xử lý và hoàn nguyên môi trường.

3. Hoạt động triển khai ứng phó sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện như sau:

a) Thiết lập vùng nguy hiểm và cách ly những người không có trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường khỏi khu vực nguy hiểm;

b) Liên hệ, thông báo cho Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam để phối hợp giải quyết;

c) Tiếp cận vùng nguy hiểm theo hướng gió để giảm thiểu tiếp xúc với hơi, khí độc hại;

d) Sử dụng biển báo, nhãn sản phẩm trên thùng chứa, đơn hàng để xác định, cung cấp thông tin về hóa chất bị rò rỉ cho người có trách nhiệm ứng phó;

đ) Đánh giá sự cố môi trường theo đặc điểm: có lửa hay không có lửa, có hiện tượng tràn hoặc rò rỉ nhiên liệu hay không, tình hình thời tiết, địa hình, những nguy cơ đối với người, tài sản, môi trường;

e) Thực hành ứng phó sự cố môi trường: áp dụng phương pháp ứng phó thích hợp; thiết lập đường dây liên lạc; thiết lập tuyến điều hành ứng phó; tổ chức phối hợp ứng phó đồng bộ;

g) Báo cáo chi tiết toàn bộ kết quả ứng phó sự cố môi trường về Cục Hàng không Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải.

4. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay có khả năng xảy ra sự cố môi trường có trách nhiệm:

a) Xây dựng năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong khu vực mình quản lý khi có sự cố môi trường; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay và Cảng vụ hàng không để phối hợp xử lý.

5. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 15. Áp dụng hệ thống quản lý môi trường tại cảng hàng không, sân bay

Khuyến khích người khai thác cảng hàng không, sân bay; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay nghiên cứu, đầu tư áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại đơn vị mình nhằm nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường; tăng tính cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ; hợp nhất các kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường vào một hệ thống và tăng tính linh hoạt khi hoàn cảnh thay đổi; vì mục tiêu phát triển bền vững.

Mục 4
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 16. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc xả nhiên liệu, thả hàng hóa, hành lý hoặc các đồ vật khác từ tàu bay

Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm đề xuất Bộ Giao thông vận tải công bố khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa và các đồ vật khác từ tàu bay theo quy định tại Điều 88 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường cho khu vực này.

Điều 17. Yêu cầu đối với việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để phun rải từ tàu bay, sử dụng tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ quy định tại Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 18. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các trang thiết bị có phát xạ

1. Chủ cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ để kiểm tra hành lý, hàng hóa và dùng trong y tế tại cảng hàng không, sân bay phải thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ.

2. Chủ cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ vô tuyến điện, giới hạn bức xạ và tuân thủ quy định về vệ sinh lao động của Bộ Y tế.

Điều 19. Chế độ báo cáo[2]

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; người khai thác tàu bay; chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Đối với Người khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với Người khai thác tàu bay theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cảng vụ Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không sân bay, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải về tình hình công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư này.

Điều 20. Quản lý hồ sơ công tác bảo vệ môi trường

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; người khai thác tàu bay; cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay lập, quản lý hồ sơ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của đơn vị mình bao gồm:

a) Giấy chứng nhận tiếng ồn và các quy trình, giải pháp, danh mục, kế hoạch liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường đã được quy định trong Thông tư này;

b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được phê duyệt;

c) Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất (nếu có);

d) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (nếu có);

đ) Giấy xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);

e) Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của bộ phận, cá nhân chuyên trách hoặc kiêm nhiệm bảo vệ môi trường;

g) Hợp đồng thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải lỏng;

h) Kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được phê duyệt và kết quả quan trắc khác theo quy định của pháp luật;

i) Các kết quả kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hồ sơ công tác bảo vệ môi trường là căn cứ để Người khai thác cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường đã thực hiện và là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại đơn vị.

Mục 5
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Thông tư này tại các cảng hàng không, sân bay.

Điều 22. Hiệu lực thi hành[33]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

2. Bãi bỏ Điều 58 Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay và Quyết định số 09/2001/QĐ-CHK ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về ban hành Quy chế về bảo vệ môi trường ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 23. Điều khoản thi hành[44]

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 20/VBHN-BGTVT	
	Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020
	BỘ TRƯỞNG
	Nguyễn Văn Thể

[3] Điều 6 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020, quy định như sau:

*"**Điều 6. Điều khoản thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020."

[4] Điều 7 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020, quy định như sau:

"Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

PHỤ LỤC 1[5]

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của người khai thác cảng hàng không, sân bay

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	...[3]..., *ngày... tháng... năm ...*

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi:

- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền.....

1. Thông tin chung

- Tên cảng hàng không, sân bay:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Sơ đồ mặt bằng của cảng hàng không, sân bay:
- Sản lượng thông qua cảng hàng không trong năm:
- Các đơn vị thành viên:
- Lĩnh vực hoạt động:
- Quy mô hoạt động:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Số lượng cán bộ theo dõi công tác môi trường (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc).

[5] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Hiện trạng môi trường của cảng hàng không, sân bay

2.1. Liệt kê các nguồn thải chính: Khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại của cảng hàng không, sân bay

2.2. Môi trường không khí, tiếng ồn

2.2.1. Kết quả quan trắc

2.2.2. Đánh giá hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn

2.3. Môi trường nước

2.3.1. Kết quả quan trắc

2.3.2. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt, nước ngầm, nguồn nước cấp, nước thải của cảng hàng không, sân bay

2.3.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý; chi phí vận hành, xử lý; hiệu suất xử lý
- Đơn vị thu gom, xử lý nước thải
- Lượng nước xả thải (m^3/ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải (m^3/ngày đêm)
- Quy trình thu gom nước thải, xử lý nước thải, xả thải (có sơ đồ).

2.4. Chất thải rắn

2.4.1. Loại chất thải rắn

2.4.2. Khối lượng chất thải rắn

2.4.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn

2.4.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn (có sơ đồ)

2.4.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

2.5. Chất thải nguy hại

2.5.1. Loại chất thải nguy hại

2.5.2. Khối lượng chất thải nguy hại

2.5.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại

2.5.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (có sơ đồ);

2.5.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

2.6. Chất thải rắn, lỏng người khai thác cảng hàng không thu gom từ tàu bay

2.6.1. Loại chất thải rắn từ tàu bay

2.6.2. Khối lượng chất thải rắn

2.6.3. Quy trình thu gom chất thải rắn từ tàu bay

2.6.4. Khối lượng chất thải lỏng từ tàu bay

2.6.5. Quy trình thu gom chất thải lỏng từ tàu bay.

2.7. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng tại cảng hàng không, sân bay

3. Tình hình quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Các chính sách, quy định hiện hành có liên quan đến bảo vệ môi trường; Các giải pháp cụ thể đã được áp dụng trong bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường

3.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước thải, tiếng ồn; biện pháp quản lý chất thải rắn, nguy hại

3.3. Hiện trạng bản đồ tiếng ồn, chính sách tiếng ồn

3.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.5. Hệ thống quản lý môi trường đang sử dụng

3.6. Bộ phận quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay

- Cơ quan/bộ phận quản lý

- Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc).

3.7. Kế hoạch phân bổ tài chính và sử dụng vốn đầu tư của cảng hàng không, sân bay đối với bảo vệ môi trường

3.8. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện

3.9. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT, ...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***
[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
[4] Nơi nhận báo cáo;
[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 2[6]
Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của người khai thác tàu bay
(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	...[3]..., *ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CỦA NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY

Kính gửi:
- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền.....

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ
- Điện thoại: - Fax:
- Đặc điểm khai thác
- Số lượng, loại tàu bay đang khai thác;
- Tuyến bay đang thực hiện (trong nước, quốc tế);
- Các cảng hàng không, sân bay đi/đến;
- Cảng hàng không, sân bay căn cứ;
- Lượng nhiên liệu tiêu thụ từng loại tàu bay;
- Sản lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa trong năm.
- Các đơn vị thành viên
- Lĩnh vực hoạt động;
- Địa chỉ;
- Điện thoại: - Fax:

[6] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Thông tin chung về quản lý môi trường của người khai thác tàu bay

2.1. Quản lý tiếng ồn tàu bay, khí thải động cơ tàu bay

- Các giải pháp công nghệ, quy trình khai thác tàu bay nhằm giảm thiểu tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay đang và sẽ áp dụng;

- Các biện pháp, quy trình, quy định nhằm giảm thiểu tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay hoạt động tại cảng hàng không, sân bay đang và sẽ áp dụng;

- Tình trạng giấy chứng nhận tiếng ồn tàu bay: mức tiếng ồn áp dụng; giấy chứng nhận cấp lần đầu, cấp lại; cơ quan cấp;

- Các hoạt động khác có liên quan đến quản lý tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay.

2.2. Quản lý chất thải lỏng từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam

- Khối lượng chất thải lỏng

- Đơn vị thu gom, xử lý chất thải lỏng từ tàu bay.

2.3. Chất thải rắn từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam

- Loại chất thải rắn từ tàu bay

- Khối lượng chất thải rắn

- Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn

2.4. Quản lý chất thải nguy hại từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam

- Loại chất thải nguy hại từ tàu bay

- Khối lượng chất thải nguy hại từ tàu bay

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại từ tàu bay

- Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại từ tàu bay

2.5. Quy trình nội bộ thu gom, phân loại, quản lý chất thải từ tàu bay.

2.6. Bộ phận quản lý môi trường của doanh nghiệp

- Cơ quan/bộ phận quản lý

- Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc)

2.7. Danh mục hóa chất sử dụng để diệt côn trùng và vệ sinh trong tàu bay

2.8. Quy định quy trình sử dụng từng loại hóa chất để diệt côn trùng, vệ sinh trong tàu bay

2.9. Hệ thống quản lý môi trường đang áp dụng

2.10. Chi phí cho quản lý môi trường của doanh nghiệp

2.11. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để phun rải từ tàu bay.

2.12. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm của doanh nghiệp.

2.13. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT, ...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***
[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
[4] Nơi nhận báo cáo;
[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 3[7]

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi:

- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền.....

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Lĩnh vực hoạt động:
- Quy mô hoạt động:
- Các đơn vị thành viên:
- Địa chỉ
- Điện thoại: - Fax:

2. Hiện trạng môi trường của doanh nghiệp

2.1. Liệt kê các nguồn thải chính: nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn của doanh nghiệp.

[7] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2.2. Môi trường không khí, tiếng ồn

2.2.1. Kết quả quan trắc (nếu có)

2.2.2. Đánh giá hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn

2.3. Môi trường nước

2.3.1. Kết quả quan trắc (nếu có)

2.3.2. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước thải của doanh nghiệp.

2.3.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý; chi phí vận hành, xử lý; hiệu suất xử lý.

- Đơn vị thu gom, xử lý nước thải của doanh nghiệp

- Lượng nước xả thải (m3/ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải (m3/ngày đêm).

- Quy trình thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải, xả thải (sơ đồ);

2.4. Chất thải rắn

2.4.1. Loại chất thải rắn

2.4.2. Khối lượng chất thải rắn

2.4.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn

2.4.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn (sơ đồ);

2.4.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

2.5. Chất thải nguy hại

2.5.1. Loại chất thải nguy hại

2.5.2. Khối lượng chất thải nguy hại

2.5.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (sơ đồ);

2.5.4. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

2.6. Chất thải rắn, lỏng doanh nghiệp thu gom từ tàu bay

2.6.1. Loại chất thải rắn từ tàu bay

2.6.2. Khối lượng chất thải rắn

2.6.3. Quy trình thu gom chất thải rắn từ tàu bay

2.6.4. Khối lượng chất thải lỏng từ tàu bay

2.6.5. Quy trình thu gom chất thải lỏng từ tàu bay.

2.7. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật sử dụng tại cảng hàng không, sân bay của doanh nghiệp

3. Tình hình quản lý môi trường doanh nghiệp

3.1. Các chính sách, quy định hiện hành có liên quan đến bảo vệ môi trường; Các giải pháp cụ thể đã được áp dụng trong bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường

3.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước thải, tiếng ồn; biện pháp quản lý chất thải rắn, nguy hại

3.3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.4. Hệ thống quản lý môi trường đang sử dụng

3.5. Bộ phận quản lý môi trường của doanh nghiệp

- Cơ quan/bộ phận quản lý

- Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc)

3.6. Kế hoạch phân bổ tài chính và sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường

3.7. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện

3.8. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT, ...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***
[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
[4] Nơi nhận báo cáo;
[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 4[8]

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của Cảng vụ hàng không

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm ...*

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CỦA CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Thông tin chung

- Tên Cảng vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Danh mục các Cảng hàng không, sân bay thuộc trách nhiệm quản lý:
- Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không, sân bay:

2. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cảng hàng không

3. Hiện trạng môi trường của các doanh nghiệp hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

3.1. Hiện trạng về việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường của các chủ dự án

3.2. Hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt

3.2.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh, khối lượng, phân loại, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý...)

---

[8] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3.2.2. Các nội dung còn tồn tại

3.2.3. Đánh giá mức độ tác động của chất thải rắn sinh hoạt

3.3. Hiện trạng quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh, khối lượng, phân loại, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý...)

3.3.2. Các nội dung còn tồn tại

3.3.3. Đánh giá mức độ tác động của chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.4. Hiện trạng quản lý chất thải rắn nguy hại (CTNH)

3.4.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh; số lượng; chủng loại; đăng ký chủ nguồn thải CTNH; thu gom, lưu giữ tạm thời CTNH, ký hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH, báo cáo quản lý CTNH định kỳ...)

3.4.2. Các nội dung còn tồn tại

3.4.3. Đánh giá mức độ tác động của CTNH

3.5. Hiện trạng môi trường nước

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT, ...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***
[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
[4] Nơi nhận báo cáo;
[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 5[9]

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...	*....., ngày... tháng... năm ...*

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

I. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Đánh giá về các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường, các loại hình chất thải đặc trưng và các vấn đề môi trường chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước và hoạt động bảo vệ môi trường trong hàng không dân dụng bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn lực bảo vệ môi trường; công tác đào tạo, tập huấn, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Tình hình xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Các nội dung khác (nếu có).

3. Định hướng công tác bảo vệ môi trường trong năm tới và đề xuất, kiến nghị.

[9] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

II. Số liệu báo cáo về môi trường

Số liệu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
Lưu: VT, ...

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên